

Phụ lục I

QUY TẮC CỤ THỂ MẶT HÀNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2024/TT-BCT
ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc
xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng
hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước I-xra-en)*

1. Trong Phụ lục này, một số thuật ngữ được hiểu như sau:

a) Quy tắc cụ thể mặt hàng, hoặc bộ quy tắc cụ thể mặt hàng áp dụng cho một nhóm hoặc phân nhóm cụ thể được ghi ở cột bên cạnh nhóm hoặc phân nhóm đó.

b) Tiêu chí chuyển đổi mã số hàng hóa chỉ áp dụng đối với nguyên liệu không có xuất xứ.

c) Hàng hóa chỉ được coi là đáp ứng quy tắc chuyển đổi mã số hàng hóa nếu mỗi nguyên liệu không có xuất xứ được sử dụng để sản xuất ra hàng hóa trải qua chuyển đổi mã HS.

d) Trường hợp Quy tắc cụ thể mặt hàng áp dụng tiêu chí chuyển đổi mã số hàng hóa quy định loại trừ một số nguyên liệu có mã HS cụ thể, nguyên liệu bị loại trừ phải có xuất xứ để hàng hóa được coi là có xuất xứ.

đ) Trường hợp Quy tắc cụ thể mặt hàng có nhiều quy tắc xuất xứ hàng hóa để lựa chọn, hàng hóa có xuất xứ khi đáp ứng một trong các quy tắc xuất xứ hàng hóa thay thế.

2. Trường hợp cột (1) của Phụ lục này có tiền tố “ex” trước mã số HS, tiêu chí xuất xứ tại cột (3) hoặc cột (4) chỉ áp dụng đối với hàng hóa có mô tả tại cột (2), không áp dụng cho toàn bộ hàng hóa thuộc Chương đó.

3. Để diễn giải Quy tắc cụ thể mặt hàng trong Phụ lục này:

“Chương” là hai chữ số đầu tiên của mã số hàng hóa trong HS.

“Nhóm” là bốn chữ số đầu tiên của mã số hàng hóa trong HS.

“Phân nhóm” là sáu chữ số đầu tiên của mã số mã số hàng hóa trong HS.

4. Để áp dụng cột (3) của Phụ lục này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “WO” là nguyên liệu thuộc cùng một Chương có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

b) “CC” là tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ sử dụng trong quá trình sản xuất hàng hóa trải qua chuyển đổi mã HS ở cấp hai số (chuyển đổi Chương).

c) “CTH” là tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ sử dụng trong sản xuất hàng hóa trải qua chuyển đổi mã số HS ở cấp bốn số (chuyển đổi Nhóm).

d) “CTSH” là tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ sử dụng trong sản xuất hàng hóa trải qua chuyển đổi mã HS ở cấp sáu số (chuyển đổi Phân Nhóm).

đ) “N/A” là không có quy tắc xuất xứ để áp dụng.

5. Sử dụng quy tắc CC, CTH và CTSH phải áp dụng theo công đoạn sản xuất.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Công đoạn gia công hoặc chế biến	
(1)	(2)	(3) hoặc (4)	
Chương 1	Động vật sống.	WO	N/A
Chương 2	Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ.	WO	N/A
Chương 3	Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác.	WO	N/A
Chương 4	Sản phẩm bơ sữa; trứng chim và trứng gia cầm; mật ong tự nhiên; sản phẩm ăn được gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác.	WO	N/A
Chương 5	Sản phẩm gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở các nơi khác.	WO	N/A
Chương 6	Cây sống và các loại cây trồng khác; củ, rễ và loại tương tự; cành hoa và cành lá trang trí.	WO	N/A
Chương 7	Rau và một số loại củ, thân củ và rễ ăn được.	WO	N/A
Chương 8	Quả và quả hạch (nuts) ăn được; vỏ quả thuộc họ cam quýt hoặc các loại dưa.	WO	N/A
ex 0801	Dừa, quả hạch Brazil (Brazil nuts) và hạt điều, tươi hoặc khô, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc lột vỏ.	CC	40%
Chương 9	Cà phê, chè, chè Paragoay và các loại gia vị.	CC	40%
ex 0901	Cà phê.	CTSH	N/A
ex 0902	Chè.	CTSH	N/A
Chương 10	Ngũ cốc.	WO	N/A
Chương 11	Các sản phẩm xay xát; malt; tinh bột; inulin; gluten lúa mì.	CC	50%
Chương 12	Hạt dầu và quả có dầu; các loại hạt, hạt giống và quả khác; cây công nghiệp hoặc cây dược liệu; rơm, rạ và cỏ khô.	WO	N/A
ex 1211	Các loại cây và các bộ phận của cây (kể cả hạt và quả), chủ yếu dùng làm nước hoa, làm dược phẩm hoặc thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm hoặc các mục đích tương tự, tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, đã hoặc chưa	CTH	40%

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Công đoạn gia công hoặc chế biến	
(1)	(2)	(3) hoặc (4)	
	cắt, nghiền hoặc xay thành bột.		
Chương 13	Nhựa cánh kiến đỏ; gôm, nhựa cây, các chất nhựa và các chất chiết xuất từ thực vật khác (ví dụ: nhựa thơm).	CC	N/A
Chương 14	Vật liệu thực vật dùng để tết bện; các sản phẩm thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác.	CTH	50%
Chương 15	Chất béo và dầu có nguồn gốc từ động vật hoặc thực vật và các sản phẩm tách từ chúng; chất béo ăn được đã chế biến; các loại sáp động vật hoặc thực vật.	CTH	40%
ex 1509	Dầu ô liu và các phần phân đoạn của dầu ô liu, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng không thay đổi về mặt hoá học.	WO	N/A
Chương 16	Các chế phẩm từ thịt, cá hay động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thuỷ sinh không xương sống khác.	CC	N/A
Chương 17	Đường và các loại kẹo đường.	CTSH	50%
Chương 18	Ca cao và các chế phẩm từ ca cao.	CTH	60%
Chương 19	Chế phẩm từ ngũ cốc, bột, tinh bột hoặc sữa; các loại bánh.	CTH	60%
Chương 20	Các chế phẩm từ rau, quả, quả hạch (nuts) hoặc các phần khác của cây.	CTH	60%
Chương 21	Các chế phẩm ăn được khác.	CTH	60%
Chương 22	Đồ uống, rượu và giấm.	CTH	60%
Chương 23	Phế liệu và phế thải từ ngành công nghiệp thực phẩm; thức ăn gia súc đã chế biến.	CTH	60%
Chương 24	Thuốc lá và nguyên liệu thay thế lá thuốc lá đã chế biến.	CTH	60%
ex 2401	Lá thuốc lá chưa chế biến, phế liệu lá thuốc lá.	WO	N/A
Chương 25	Muối; lưu huỳnh; đất và đá; thạch cao, vôi và xi măng.	CTH	60%
ex 2523	Xi măng poóc lăng, xi măng nhôm, xi măng xỉ (xốp), xi măng super sulphat và xi măng chịu nước (xi măng thuỷ lực) tương tự, đã	CTH	50%

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Công đoạn gia công hoặc chế biến	
(1)	(2)	(3) hoặc (4)	
	hoặc chưa pha màu hoặc ở dạng clanhke.		
Chương 26	Quặng, xỉ và tro.	CTH	50%
Chương 27	Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng; các chất chứa bi-tum; các loại sáp khoáng chất.	CTH	50%
ex 2710	Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, trừ dầu thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa hàm lượng từ 70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó; dầu thải.	CTH	60%
ex 2712	Vazolin (petroleum jelly); sáp parafin, sáp dầu lửa vi tinh thể, sáp than cám, ozokerite, sáp than non, sáp than bùn, sáp khoáng khác và sản phẩm tương tự thu được từ qui trình tổng hợp hay qui trình khác, đã hoặc chưa nhuộm màu.	CTH	60%
Chương 28	Hóa chất vô cơ; các hợp chất vô cơ hay hữu cơ của kim loại quý, kim loại đất hiếm, các nguyên tố phóng xạ hoặc các chất đồng vị.	CTH	50%
Chương 29	Hóa chất hữu cơ.	CTH	50%
Chương 30	Dược phẩm.	CTH	50%
ex 3004	Thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm các sản phẩm đã hoặc chưa pha trộn dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh, đã được đóng gói theo liều lượng (kể cả các sản phẩm thuộc loại dùng để hấp thụ qua da) hoặc làm thành dạng nhất định hoặc đóng gói để bán lẻ.	CTH	60%
ex 3006	Các mặt hàng dược phẩm ghi trong Chú giải 4 của Chương này.	CTH	60%
Chương 31	Phân bón.	CTH	50%
Chương 32	Các chất chiết xuất làm thuốc nhuộm hoặc thuộc da; ta nanh và các chất dẫn xuất của	CTH	50%

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Công đoạn gia công hoặc chế biến	
(1)	(2)	(3) hoặc (4)	
	chúng; thuốc nhuộm, thuốc màu và các chất màu khác; sơn và véc ni; chất gắn và các loại ma tít khác; các loại mực.		
Chương 33	Tinh dầu và các chất tựa nhựa; nước hoa, mỹ phẩm hoặc các chế phẩm dùng cho vệ sinh.	CTH	50%
Chương 34	Xà phòng, các chất hữu cơ hoạt động bề mặt, các chế phẩm dùng để giặt, rửa, các chế phẩm bôi trơn, các loại sáp nhân tạo, sáp đã được chế biến, các chế phẩm dùng để đánh bóng hoặc tẩy sạch, nến và các sản phẩm tương tự, bột nhào dùng làm hình mẫu, sáp dùng trong nha khoa và các chế phẩm dùng trong nha khoa có thành phần cơ bản là thạch cao.	CTH	50%
ex 34.01	Xà phòng; các sản phẩm và các chế phẩm hữu cơ hoạt động bề mặt dùng như xà phòng, ở dạng thanh, bánh, được nén thành miếng hoặc hình dạng nhất định; giấy, mền xơ, nỉ và sản phẩm không dệt, đã thấm tẩm, tráng hoặc phủ xà phòng hoặc chất tẩy.	CTH	60%
Chương 35	Các chất chứa albumin; các dạng tinh bột biến tính; keo hồ; enzym.	CTH	50%
ex 35.06	Keo đã điều chế và các chất dính đã điều chế khác, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; các sản phẩm phù hợp dùng như keo hoặc các chất kết dính, đã đóng gói để bán lẻ như keo hoặc như các chất kết dính, trọng lượng tịnh không quá 1 kg.	CTH	60%
Chương 36	Chất nổ; các sản phẩm pháo; diêm; các hợp kim tự cháy; các chế phẩm dễ cháy khác.	CTH	50%
Chương 37	Vật liệu ảnh hoặc điện ảnh.	CTH	50%
Chương 38	Các sản phẩm hóa chất khác.	CTH	50%
Chương 39	Plastic và các sản phẩm bằng plastic.	CTH	60%
Chương 40	Cao su và các sản phẩm bằng cao su.	CTH	50%
ex 40.02	Cao su tổng hợp và các chất thay thế cao su dẫn xuất từ dầu, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải; hỗn hợp của một sản	CTH	60%

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Công đoạn gia công hoặc chế biến	
(1)	(2)	(3) hoặc (4)	
	phẩm bất kỳ của nhóm 40.01 với một sản phẩm bất kỳ của nhóm này, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải.		
ex 40.03	Cao su tái sinh ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải.	CTH	60%
Chương 41	Da sống (trừ da lông) và da thuộc.	CTH	50%
Chương 42	Các sản phẩm bằng da thuộc; yên cương và bộ yên cương; các mặt hàng du lịch, túi xách và các loại đồ chứa tương tự; các sản phẩm làm từ ruột động vật (trừ ruột con tằm).	CTH	50%
ex 42.01	Yên cương và bộ yên cương dùng cho các loại động vật (kể cả dây kéo, dây dắt, miếng đệm đầu gối, đai hoặc rọ bịt mõm, vải lót yên, túi yên, áo chó và các loại tương tự), làm bằng vật liệu bất kỳ.	CTH	60%
Chương 43	Da lông và da lông nhân tạo; các sản phẩm làm từ da lông và da lông nhân tạo.	CTH	50%
ex 43.04	Da lông nhân tạo và các sản phẩm làm bằng da lông nhân tạo.	CTH	60%
Chương 44	Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than từ gỗ.	CTH	50%
ex 44.01	Gỗ nhiên liệu, dạng khúc, thanh nhỏ, cành, bó hoặc các dạng tương tự; vỏ bào hoặc dăm gỗ; mùn cưa và phế liệu gỗ, đã hoặc chưa đóng thành khối, bánh (briquettes), viên hoặc các dạng tương tự.	CTH	60%
ex 44.14	Khung tranh, khung ảnh, khung gương bằng gỗ hoặc các sản phẩm bằng gỗ tương tự.	CTH	60%
ex 44.19	Bộ đồ ăn và bộ đồ làm bếp, bằng gỗ.	CTH	60%
Chương 45	Lie và các sản phẩm bằng lie.	CTH	50%
Chương 46	Sản phẩm làm từ rom, cỏ giấy hoặc từ các loại vật liệu tết bện khác; các sản phẩm bằng liễu gai và song mây.	CTH	50%
ex 46.02	Hàng mây tre, liễu gai và các mặt hàng khác, làm trực tiếp từ vật liệu tết bện hoặc làm từ các mặt hàng thuộc nhóm 46.01; các sản phẩm từ cây họ mướp.	CTH	60%

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Công đoạn gia công hoặc chế biến	
(1)	(2)	(3) hoặc (4)	
Chương 47	Bột giấy từ gỗ hoặc từ nguyên liệu xơ xenlulo khác; giấy loại hoặc bìa loại thu hồi (phế liệu và vụn thừa).	CTH	50%
Chương 48	Giấy và bìa; các sản phẩm làm bằng bột giấy, bằng giấy hoặc bằng bìa.	CTH	50%
ex 48.13	Giấy cuộn thuốc lá, đã hoặc chưa cắt theo cỡ hoặc ở dạng tập nhỏ hoặc cuộn sẵn thành ống.	CTH	60%
Chương 49	Sách, báo, tranh ảnh và các sản phẩm khác của công nghiệp in; các loại bản thảo viết bằng tay, đánh máy và sơ đồ.	CTH	50%
Chương 50	Tơ tằm.	CTH	50%
Chương 51	Lông cừu, lông động vật loại mịn hoặc loại thô; sợi từ lông đuôi hoặc bờm ngựa và vải dệt thoi từ các nguyên liệu trên.	CTH	60%
Chương 52	Bông.	CTH	60%
Chương 53	Xơ dệt gốc thực vật khác; sợi giấy và vải dệt thoi từ sợi giấy.	CTH	50%
ex 53.06	Sợi lanh.	CTH	60%
ex 53.09	Vải dệt thoi từ sợi lanh.	CTH	60%
Chương 54	Sợi filament nhân tạo.	CTH	50%
Chương 55	Xơ sợi staple nhân tạo.	CTH	50%
Chương 56	Mền xơ, phốt và các sản phẩm không dệt; các loại sợi đặc biệt; sợi xe, chèo bên (cordage), thùng và cáp và các sản phẩm của chúng.	CTH	50%
Chương 57	Thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác.	CTH	50%
Chương 58	Các loại vải dệt thoi đặc biệt; các loại vải dệt chần sợi vòng; hàng ren; thảm trang trí; hàng trang trí; hàng thêu.	CTH	50%
Chương 59	Các loại vải dệt đã được ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép lớp; các mặt hàng dệt thích hợp dùng trong công nghiệp.	CTH	50%
Chương 60	Các loại hàng dệt kim hoặc móc.	CTH	50%
Chương 61	Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc.	CTH	50%

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Công đoạn gia công hoặc chế biến	
(1)	(2)	(3) hoặc (4)	
Chương 62	Quần áo và các hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc.	CTH	50%
Chương 63	Các mặt hàng dệt đã hoàn thiện khác; bộ vải; quần áo dệt và các loại hàng dệt đã qua sử dụng khác; vải vụn.	CTH	60%
Chương 64	Giày, dép, ghệt và các sản phẩm tương tự; các bộ phận của các sản phẩm trên.	CTH	60%
Chương 65	Mũ và các vật đội đầu khác và các bộ phận của chúng.	CTH	50%
Chương 66	Ô, dù che, ba toong, gậy tay cầm có thể chuyển thành ghê, roi, gậy điều khiển, roi điều khiển súc vật thồ kéo và các bộ phận của các sản phẩm trên.	CTH	60%
Chương 67	Lông vũ và lông tơ chế biến, các sản phẩm bằng lông vũ hoặc lông tơ; hoa nhân tạo; các sản phẩm làm từ tóc người.	CTH	50%
Chương 68	Sản phẩm làm bằng đá, thạch cao, xi măng, amiăng, mica hoặc các vật liệu tương tự.	CTH	60%
Chương 69	Đồ gốm, sứ.	CTH	50%
Chương 70	Thủy tinh và các sản phẩm bằng thủy tinh.	CTH	50%
Chương 71	Ngọc trai tự nhiên hoặc nuôi cấy, đá quý hoặc đá bán quý, kim loại quý, kim loại được dát phủ kim loại quý, và các sản phẩm của chúng; đồ trang sức làm bằng chất liệu khác; tiền kim loại.	CTH	60%
Chương 72	Sắt và thép.	CTH	60%
Chương 73	Các sản phẩm bằng sắt hoặc thép.	CTH	60%
Chương 74	Đồng và các sản phẩm bằng đồng.	CTH	60%
Chương 75	Niken và các sản phẩm bằng niken.	CTH	50%
Chương 76	Nhôm và các sản phẩm bằng nhôm.	CTH	50%
Chương 78	Chì và các sản phẩm bằng chì.	CTH	50%
Chương 79	Kẽm và các sản phẩm bằng kẽm.	CTH	50%
Chương 80	Thiếc và các sản phẩm bằng thiếc.	CTH	60%
Chương 81	Kim loại cơ bản khác; gốm kim loại; các sản phẩm của chúng.	CTH	60%

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Công đoạn gia công hoặc chế biến	
(1)	(2)	(3) hoặc (4)	
Chương 82	Dụng cụ, đồ nghề, dao, kéo, bộ đồ ăn làm từ kim loại cơ bản; các bộ phận của chúng làm từ kim loại cơ bản.	CTH	60%
Chương 83	Hàng tạp hoá làm từ kim loại cơ bản.	CTH	60%
Chương 84	Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng.	CTH	60%
Chương 85	Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên.	CTH	60%
Chương 86	Đầu máy, các phương tiện di chuyển trên đường sắt hoặc đường tàu điện và các bộ phận của chúng; các bộ phận cố định và ghép nối đường ray xe lửa hoặc tàu điện và bộ phận của chúng; thiết bị tín hiệu giao thông bằng cơ khí (kể cả cơ điện) các loại.	CTH	50%
ex 86.07	Các bộ phận của đầu máy hoặc của phương tiện di chuyển trên đường sắt hoặc đường tàu điện.	CTH	60%
ex 86.08	Bộ phận cố định và ghép nối của đường ray xe lửa hoặc tàu điện; các thiết bị phát tín hiệu, an toàn hoặc điều khiển giao thông bằng cơ khí (kể cả cơ điện) dùng cho đường sắt, đường tàu điện đường bộ, đường thủy nội địa, điểm dừng đỗ, cảng hoặc sân bay; các bộ phận của các loại trên.	CTH	60%
Chương 87	Xe trừ phương tiện chạy trên đường sắt hoặc đường tàu điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng.	CTH	60%
Chương 88	Phương tiện bay, tàu vũ trụ, và các bộ phận của chúng.	CTH	50%
Chương 89	Tàu thủy, thuyền và các kết cấu nổi.	CTH	50%
Chương 90	Dụng cụ và thiết bị quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra, chính xác, y tế hoặc phẫu thuật; các bộ phận và phụ kiện của chúng.	CTH	60%
Chương 91	Đồng hồ thời gian, đồng hồ cá nhân và các bộ phận của chúng.	CTH	50%

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Công đoạn gia công hoặc chế biến	
(1)	(2)	(3) hoặc (4)	
Chương 92	Nhạc cụ; các bộ phận và phụ kiện của chúng.	CTH	50%
Chương 93	Vũ khí và đạn; các bộ phận và phụ kiện của chúng.	CTH	50%
Chương 94	Đồ nội thất; bộ đồ giường, đệm, khung đệm, nệm và các đồ dùng nội thất tương tự; đèn và bộ đèn, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; biển hiệu được chiếu sáng, biển đề tên được chiếu sáng và các loại tương tự; nhà lắp ghép.	CTH	50%
Chương 95	Đồ chơi, thiết bị trò chơi và dụng cụ, thiết bị thể thao; các bộ phận và phụ kiện của chúng.	CTH	50%
Chương 96	Các mặt hàng khác.	CTH	50%
ex 96.05	Bộ đồ du lịch dùng cho vệ sinh cá nhân, bộ đồ khâu hoặc bộ đồ làm sạch giày dép hoặc quần áo.	CTH	60%
ex 96.08	Bút bi; bút phốt và bút phốt có ruột khác và bút đánh dấu; bút máy, bút máy ngòi ống và các loại bút khác; bút viết giấy nhân bản (duplicating stylos); các loại bút chì bấm hoặc bút chì đẩy; quần bút mực, quần bút chì và các loại quần bút tương tự; bộ phận (kể cả nắp và kẹp bút) của các loại bút kể trên, trừ các loại thuộc nhóm 96.09.	CTH	60%
ex 96.09	Bút chì (trừ các loại bút chì thuộc nhóm 96.08), bút màu, ruột chì, phấn màu, than vẽ, phấn vẽ hoặc viết và phấn thợ may.	CTH	60%
ex 96.19	Băng (miếng) và nút bông vệ sinh (tampons), khăn và tã lót cho trẻ và các vật phẩm tương tự, bằng mọi vật liệu.	CTH	60%
Chương 97	Các tác phẩm nghệ thuật, đồ sưu tầm và đồ cổ.	CTH	50%